TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------o0o-------

Bản án số: **238/**2024/HNGĐ -ST
Ngày: 26/6/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Bà **Nguyễn Thị Phương Huyền**

Các hội thẩm nhân dân**:** Ông **Bùi Văn Bình** và bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hằng –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông **Vũ Trường Giang** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2024 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXX ngày 20/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐ-HPT ngày 07/6/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn***:* Chị **A**, sinh năm 1981; HKTT: TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Nơi ở: TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Chị A vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn**: Anh **B**, sinh năm 1982; HKTT và nơi ở: NL, quận LB, thành phố Hà Nội; Anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị A trình bày**:

Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2021, quyển số 01/2012.

Sau khi kết hôn được một thời gian, anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời, bỏ bê vợ con. Anh chị đã nói chuyện, tìm cách hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình và bạn bè hai bên đều biết và đã khuyên nhủ, hòa giải nhưng tình hình không cải thiện. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay, anh B cắt đứt quan hệ và không có trách

nhiệm với vợ con nữa. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, muân thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh anh B để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là C-sinh ngày 30/01/2013 và D-sinh ngày 29/11/2015. Cả hai con đều ở cùng chị A và do chị A chăm sóc nuôi dưỡng từ khi sinh ra cho đến nay. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Chị A không yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị A có chỗ ở ổn định và thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh B không đến Tòa án nên không có lời khai của anh B về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Long Biên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích vụ án, đại diện Viện kiểm sát căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều: 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án nhân dân quận Long Biên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B.

- Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh B cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị A chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị A có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là anh

B, HKTT và nơi ở: NL, quận LB, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc và lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vậy nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử .

[2] Về nội dung:

***[2.1] Về quan hệ hôn nhân*:** Căn cứ lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị A và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 15/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2021, quyển số 01/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị A cùng các con đã chuyển đi nơi khác ở. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay, không cùng xây dựng cuộc sống, không quan tâm, không chăm sóc, không có sự yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B đến Tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự và tham gia hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh B đều không đến Tòa án thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không đưa ra ý kiến, quan điểm gì nên không có căn cứ để xem xét. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung giữa hai anh chị đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện hoàn cảnh như hiện nay thì anh chị không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[2.2] Về con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh chị có 02 con chung là C-sinh ngày 30/01/2013 và D-sinh ngày 29/11/2015. Cả hai con chung đều do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định từ khi sinh ra cho đến nay. Anh B vắng mặt, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh B cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A. Chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung:

Xác nhận chị A và B có 02 con chung là C-sinh ngày 30/01/2013 và D-sinh ngày 29/11/2015. Giao cháu cả hai con chung cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh B cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. ***Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung***: Chị Hà không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Hà đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0018601 ngày 01/04/2024 tại Chi cục thi hành án quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị A và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Phương Huyền

Nơi nhận:
-TAND TP Hà Nội;
-VKSND Q. Long Biên;
-Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (khi bản án có hiệu lực pháp luật).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.